TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2022/DS-PT
Ngày 10/6/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Để Dành

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn

Ông Lâm Thuận Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2022/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 71/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 104/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 124/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 143/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Minh E, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 276, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà E: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số Nguyễn Huệ A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2020 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 và bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Ci, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 276, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2019 của nguyên đơn bà Bùi Thị Minh E và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thành T (đại diện theo ủy quyền của bà E) trình bày:

Bà Bùi Thị Minh E là chị ruột của bà Bùi Thị Thu T, vào ngày 20/01/2018, bà Minh E có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T vay số tiền là 250.300.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, mục đích vay phục vụ kinh tế gia đình, do chị E ruột nên tin tưởng không làm biên nhận.

Sau khi vay, ôngT và bà T không trả vốn, lãi, mặc cho bà Minh E đòi nhiều lần nên đầu tháng 6/2018 bà Minh E làm đơn kiện đến Văn phòng ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 của Văn phòng ấp Long Phú 1, ôngT vắng mặt nhưng bà T có mặt và chỉ thừa nhận còn nợ bà Minh E số tiền là 209.000.000 đồng. Do cả hai bên không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ để chứng minh, vì vậy Văn phòng ấp Long Phú 1 lập biên bản ghi nhận việc bà T thừa nhận nợ nêu trên và cho các bên ra về.

Do khi vay không làm biên nhận nên không có bất kỳ chứng cứ để chứng minh số tiền cho vay là 250.300.000 đồng, vì vậy bà Minh E đồng ý với số nợ mà vợ chồng ôngT, bà T còn nợ tổng cộng là 209.000.000 đồng theo như bà T đã thừa nhận tại Văn phòng ấp Long Phú 1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thành T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu vợ chồng ôngT và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Minh E số tiền còn nợ là 209.000.000 đồng và lãi phát sinh theo luật định tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D trình bày: Ông là chồng của bà Minh E, ông hoàn toàn thống nhất theo trình bày và yêu cầu mà ông Nguyễn Thành T đại diện bà Minh E trình bày, không có ý kiến nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228. Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị Minh E. Buộc bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi Thị Minh E số tiền cả vốn lẫn lãi là 296.083.000 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng). Trong đó vốn là 209.000.000 đồng và lãi là 87.083.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/6/2022, ông Thảo bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thống nhất trình bày: Năm 2017, có làm giấy nhận nợ với ông Diễn bà E số tiền 195.000.000 đồng, đến cuối năm 2017 ông bà có cố miếng đất của ông Hiện bà Uyên diện tích 5000m^2 với giá 130.000.000 đồng. Do ông D bà E ép trả nợ nên ông bà mới sang (giao) miếng đất (ông bà có cố của ông Hiện bà Uyên diện tích 5000m^2) cho ông Diễn bà E, nếu ông Hiện bà Uyên có tiền chuộc thì trả cho ông Diễn bà E số tiền 130.000.000 đồng; ông bà chỉ còn nợ ông Diễn bà E 65.000.000 đồng và số nợ này ông Diễn đã khởi kiện và đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2019/DS-PT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (ông Thảo bà T gửi kèm theo bản án phô tô).

Phát biểu tranh luận tại phiên tòa ông Thảo bà T không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Minh E vì không có nợ số tiền 209.000.000 đồng. Bà T cho rằng ngoài Biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 còn có Biên bản hòa giải ngày 21/8/2018 (bà T gửi kèm theo bản phô tô) của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, nhưng bà cũng không thừa nhận nợ bà Minh E.

Ông Nguyễn Thành Tới đại diện theo ủy quyền của bà Minh E phát biểu tranh luận: Về tố tụng, những vi phạm về tố tụng do Hội đồng xét xử quyết định ông không ý kiến. Về nội dung, căn cứ Biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B; bà T thừa nhận có ký biên bản, thừa nhận nợ 149.000.000 đồng và lãi 60.000.000 đồng nên không cần phải chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 08/7/2020 vắng mặt bị đơn, đến ngày 03/8/2020 mới tống đạt bản án; ngày 04/8/2020 bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ngày 23/9/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về việc kháng cáo và tống đạt cho các đương sự nhưng đến ngày 21/10/2021 mới chuyển hồ sơ kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm là trễ hạn, chưa đúng quy định tại Điều 283 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần rút kinh nghiệm.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T vắng mặt kể từ khi thụ lý vụ án (ngày 23/4/2020) đến khi xét xử sơ thẩm (08/7/2020) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt văn bản tố tụng không đúng quy định lại xét xử vắng mặt ông Thảo, bà T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

[4.1] Không tống đạt trực tiếp được cho ông Thảo, bà T, Thông báo về việc thụ lý vụ án số 181/TB-TLVA ngày 23/4/2020, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 692/2020/TB-TA ngày 24/4/2020, nhưng không thực hiện lập thủ tục tống đạt theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] Tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2020/QĐXXST-DS ngày 27/5/2020 cho người nhận thay tên Mót (không rõ quan hệ như thế nào với ông Thảo bà T) ngày 12/6/2020 nhưng thời gian mở phiên tòa ngày 18/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 215A/ 2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020; ngày xét xử 08/7/2020 nhưng lập thủ tục niêm yết ngày 29/6/2020 là vi phạm thời hạn quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (chưa đủ 15 ngày).

[5] Tại biên bản hòa giải vụ nợ trong dân ngày 08/6/2018 của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Bút lục 12), giữa Bùi Thị Minh E với Bùi Thị Thu T, có ghi về phần tiền nợ: "*Bà Minh E trình bày bà T còn nợ tôi số tiền 250.300.000 đồng. Nhưng bà T chỉ thống nhất số tiền 149.000.000 đồng còn nợ bà Minh E.*

Tiếp đến bà T đồng ý có nợ thiếu 60.00.00đ nhưng phần này là tiền lãi nên bà T xin phần này.

Do 2 bên chưa thống nhất số tiền nợ còn chênh lệch nên Tổ hòa giải khuyên 2 bên suy nghĩ lại do tình nghĩa chị E để có cách giải quyết hợp lý và tổ hòa giải tiếp tục mời 2 bên hòa giải tiếp.

Nếu không thỏa thuận được sẽ đưa vụ viện lên cơ quan chức năng giải quyết".

Xét nội dung biên bản nêu trên không thể hiện bà T nợ bà E số tiền là 209.000.000 đồng, Tòa sơ thẩm lại nhận định bà T thừa nhận nợ bà E và chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà E buộc ông Thảo và bà T trả số tiền là 209.000.000 đồng,

đồng thời tính lãi từ ngày 08/6/2018 đến ngày 08/7/2020 là 25 tháng x 20%/năm x 209.000.000 đồng = 87.083.000 đồng là chưa có căn cứ vững chắc, bởi các lý do sau:

[5.1] Biên bản hòa giải vụ nợ trong dân ngày 08/6/2018 của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thì bà T chỉ thống nhất số tiền 149.000.000 đồng còn nợ bà Minh E, nhưng chưa được làm rõ nguồn gốc số nợ này.

[5.2] Đối với số tiền 60.000.000 đồng biên bản ghi "bà T đồng ý có nợ thiếu 60.00.00đ nhưng phần này là tiền lãi nên bà T xin phần này". Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giữa bà Minh E với bà T có thỏa thuận lãi suất không, thỏa thuận như thế nào, thời hạn tính lãi…, lại buộc bà T ông Thảo trả số tiền này; đồng thời tính lãi từ ngày 08/6/2018 đến ngày 08/7/2020 là 25 tháng x 20%/năm x 209.000.000 đồng = 87.083.000 đồng là chưa đúng quy định tại các Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5.3] Chưa làm rõ mục đích bà T vay tiền để làm gì, khi vay ông Thảo có biết không, bà Minh E đưa tiền cho ai vay, ông Thảo có thừa nhận nợ với bà Minh E không. Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 buộc ông Thảo có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Minh E tổng số tiền 296.083.000 đồng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thảo.

[5.4] Biên bản hòa giải vụ nợ trong dân ngày 08/6/2018 của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Bút lục 12) không được thực hiện đúng theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, như thành viên Tổ hòa giải không ký biên bản (Nguyễn Tùng Linh, Nguyễn Văn Trưởng, Trần Công Danh, Nguyễn Văn Phơi), do đó chưa đảm bảo tính pháp lý.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như nhận định tại đoạn [4] ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Về nội dung, cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản hòa giải ngày 08/6/2018 của Tổ hòa giải ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, buộc bà T và ông Thảo có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Minh E tổng số tiền 296.083.000 đồng là chưa có căn cứ như nhận định tại đoạn [5].

Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Kháng cáo được chấp nhận ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2020/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Thu T không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008748 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khưu Để Dành